

Số: /BVPDL-DTTB
V/v đề nghị gửi thư báo giá cấu hình
trang thiết bị

Sơn La, ngày 26 tháng 04 năm 2024

YÊU CẦU BÁO GIÁ

Kính gửi: Các nhà cung cấp dịch vụ tại Việt Nam

Bệnh viện Phong và Da liễu tỉnh Sơn La có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng cấu hình giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho gói mua sắm trang thiết bị như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện Phong và Da liễu tỉnh Sơn La, Bản Cọ, phường Chiềng An, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La.

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:

Bà Nguyễn Phương Thủy; Viên chức khoa Dược – Trang thiết bị; SĐT: 0366.546.988; Email: bang31395@gmail.com.

3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

- Nhận trực tiếp tại địa chỉ: Bệnh viện Phong và Da liễu tỉnh Sơn La, Bản Cọ, phường Chiềng An, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La.

- Nhận qua Email: bang31395@gmail.com.

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ 08h ngày 26/04/2024 đến trước 17h ngày 06/05/2024.

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: 120 ngày, kể từ ngày nhận được báo giá.

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

TT	Tên trang thiết bị y tế	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
1	Máy xét nghiệm sinh hoá tự động	<ul style="list-style-type: none">Tốc độ xét nghiệm: 250 xét nghiệm / giờLượng nước tiêu thụ: 1125 ml / giờ \pm 20%Số vị trí thuốc thử trên khay: Tổng	Cái	01

		<p>số 48</p> <p>24 vị trí sử dụng cho lọ 50ml</p> <p>24 vị trí sử dụng cho lọ 10 hoặc 20ml</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hệ thống làm lạnh tại ngăn chứa thuốc thử: Có - Thể tích phản ứng: Từ 180 đến 400μl - Thể tích hút mẫu: 1.8 μl đến 100 μl - Vị trí đọc cuvettes: 32 kính quang học sử dụng lâu dài - Cánh tay lấy mẫu: 1 cho huyết thanh và thuốc thử - Số vị trí để mẫu xét nghiệm trên khay bệnh phẩm: Tổng số 78 <p>62 vị trí cho mẫu bệnh phẩm</p> <p>16 vị trí cho chạy chuẩn và Control.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mode xét nghiệm: Truy nhập tự động ngẫu nhiên, Truy nhập theo nhóm, STAT (bệnh phẩm cấp cứu) - Danh mục xét nghiệm: Lên tới 500 xét nghiệm - Hệ thống điều khiển nhiệt độ cuvette: Được lập trình các chế độ OFF/30/32/37⁰C (\pm0.2⁰C). - Bơm chân không: Tích hợp trong máy. - Hệ thống quang học: 10 kính lọc + tham chiếu (340, 380, 405, 436, 480, 510, 546, 578, 630, 700 nm) - Tuyến tính quang học: Tới 3.0 O.D. - Độ hấp thụ quang học: \pm 0.001 Abs - Pha loãng: 1 – 340 μl - Độ chính xác khi pha loãng: \pm0.1% f.s 		
--	--	-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	--	--

		<ul style="list-style-type: none"> - Độ dung giải khi pha loãng: $\pm 0.1 \mu\text{l}$ - Chức năng quét Bar code: Có - Chương trình thiết lập QC: 3 mức chuẩn và 3 mức điều chỉnh - Bảo trì: Có phần mềm hỗ trợ - Bộ vi xử lý điện tử: 7 bộ vi xử lý, với phương thức I² CBUS - Giao diện: USB tới máy tính - Các thiết bị ngoại vi: Yêu cầu phải có máy in và UPS - Nguồn cung cấp: 100/240V. 50/60Hz, 590 Watt. ➤ Thông số tối thiểu cho bộ máy tính ngoài. - Hệ điều hành: Windows 7/8 - Bộ vi xử lý: Intel I3, 1.9 GHz hoặc hơn - Bộ nhớ RAM: 2Gb - VIDEO: SVGA 32K màu - Hiển thị: màu 1280 x 1024 - Kết nối: RS232 - Ổ cứng: Tối thiểu 5G trống. 		
2	Máy siêu âm	<p><i>Hệ thống:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Mật độ dòng 2D-mode: 512 dòng - Kênh xử lý: lên tới 3670016 kênh - Dải động toàn hệ thống: > 329 dB - Dải tần số hệ thống: 1 đến 20 MHz - Khớp nối theo chiều dọc: 11 cm - Màn hình phẳng tinh thể lỏng (LCD) với chiếu sáng nền bằng LED - Kích thước màn hình: 21,5 inch, độ phân giải Full HD - Tỷ lệ tương phản cao 1000 : 1 - Góc quan sát: $\pm 89^\circ$ - Màn hình LCD cảm ứng 13,3 inch - Độ phân giải màn hình cảm ứng: 1920 × 1080 	Cái	01

- Tỷ lệ khung hình màn hình cảm ứng 16 : 9
- Hỗ trợ hệ điều hành Windows 10

Lưu trữ:

- Cổng đầu dò: hỗ trợ 4 cổng đầu dò
- Lựa chọn cổng đầu dò điện tử
- Dung lượng ổ cứng: 500GB SSD
- Cho phép lưu trữ các thăm khám bệnh nhân bao gồm hình ảnh, clip, báo cáo và phép đo
- Dung lượng lưu trữ ảnh 300000 ảnh nén

Đầu ra hiển thị:

- Hỗ trợ một đầu ra HDMI
- Hỗ trợ đầu ra S-video
- Hai cổng USB 2.0 mà người dùng có thể tiếp cận ở bên trái bảng điều khiển. Bốn cổng USB mà người dùng có thể tiếp cận ở mặt sau hệ thống

3.2.2. Chế độ siêu âm

Chế độ 2D:

- 2D cơ bản
- THI đảo pha
- THI lọc
- THI thay thế

Doppler màu :

- Doppler màu tốc độ
- Doppler năng lượng
- Doppler năng lượng có hướng
- Doppler mô màu

Doppler phổ:

- Doppler xung PW
- Sóng liên tục có lái tia (SCW)
- Sóng liên tục – đầu dò bút chì
- Tạo ảnh phổ Doppler mô
- Chế độ Duplex và Triplex

Chế độ M :

- M-mode
- M-mode màu
- M-mode giải phẫu

3.2.3. Chế độ hiển thị:

Đặc tính kỹ thuật cho Chế độ 2D

- Tần số cơ bản, tùy thuộc vào đầu dò: lên đến 5
- Tần số hòa âm, tùy thuộc vào đầu dò: lên đến 5
- Độ khuếch đại: -30 dB đến 30 dB, bước tăng 1 dB
- Dải động: 10 dB tới 90 dB trong 1 bước tăng
- Lấy nét: lên đến 8 vùng
- Phóng to: lên đến 10 lần
- Độ phân giải/Tốc độ: 6 mức
- Độ ổn định: 6 mức
- Làm rõ bờ: 4 mức
- Công nghệ lọc nhiễu đốm Dynamic TCE (DTCE) giúp giảm nhiễu: 3 mức
- Bản đồ thang xám: 9 mức
- Bản đồ màu: 16 mức
- Đảo trái/phải và trên/dưới cho tất cả các định dạng trong thời gian thực và xem lại cine kỹ thuật số
- Tách hình/ phóng đại
- Tạo ảnh định dạng ảo (phụ thuộc vào loại đầu dò): Lái tia trái/ phải, Tạo hình ảnh hình thang
- Chế độ 4B: Hiển thị đồng thời 4 ảnh B-mode tĩnh
- Độ sâu thăm khám: 1 đến 35 cm mỗi bước tăng 0,5 cm (tùy vào loại đầu dò)

Đặc tính kỹ thuật cho Chế độ M

- Tần số: 5 tần số do người dùng lựa chọn, bao gồm cơ bản và hòa âm
- Làm rõ bờ: 4 mức
- Hiển thị dải động: 10 đến 90 dB, mỗi bước tăng 3dB
- Độ khuếch đại: -30 đến 30 dB, mỗi bước tăng 1dB
- Bản đồ thang xám: 7 bản đồ
- Bản đồ màu chế độ M-mode: 16 bản đồ

- Tốc độ quét: 10 lựa chọn
- Chế độ hiển thị : Chế độ M-mode, 2D/M-mode toàn màn hình
- Hiển thị ảnh: 4 định dạng:
- + Trên-dưới: 1/3-2/3, 1/2-1/2, 2/3-1/3
- + Cạnh nhau: 50- 50

Đặc tính kỹ thuật cho Doppler màu

- Công nghệ tạo ảnh đa lát tia giúp xử lý 4 tín hiệu tín hiệu (Quad) cho tốc độ khung hình Doppler màu lên đến 300 fps (tùy vào loại đầu dò)
- Tần số truyền: Lên đến 4 tần số do người dùng lựa chọn cho mỗi đầu dò
- Lát tia sang trái/phải trên tất cả các loại đầu dò tuyến tính
- Đảo Doppler màu
- Tối ưu hóa trạng thái dòng màu tự động với các mức dòng nhanh, vừa và chậm
- Bản đồ Doppler màu vận tốc: lên đến 10 kiểu do người dùng tùy chọn (9 vận tốc và 1 vận tốc/ phương sai)
- Thang đo vận tốc: $\pm 0,5$ đến $\pm 330,9$ cm/giây (tùy thuộc vào loại đầu dò)
- Khoảng PRF: 100 đến 25500 Hz (tùy thuộc vào loại đầu dò)
- Độ khuếch đại: -20 đến 20 dB, tăng 1dB
- Mật độ dòng Doppler màu: 6 lựa chọn
- Lọc chuyển động thành: 4 mức
- Làm mịn màu: 4 mức
- Ưu tiên mô/màu: 5 lựa chọn
- Độ ổn định Doppler màu: 5 mức
- Đường nền: 13 mức

Đặc tính kỹ thuật cho Doppler năng lượng/ Doppler năng lượng có hướng

- Công nghệ tạo đa tia cho phép xử lý tín hiệu quad cho Doppler năng lượng tới tốc độ khung hình lên đến 326 fps (tùy vào loại đầu dò)
- Lát tia sang trái/phải trên tất cả các

- loại đầu dò tuyến tính
- Tần số truyền: Lên đến 4 tần số truyền cho phép người dùng lựa chọn cho mỗi đầu dò
 - Bản đồ Doppler Năng lượng: 18 bản đồ (9 định hướng và 9 không định hướng)
 - Dải PRF: 100 đến 25500 Hz (tùy thuộc vào đầu dò)
 - Độ khuếch đại: -20 đến 20 dB trong bước tăng 1 dB
 - Mật độ dòng Doppler Năng lượng: 6 mức
 - Lọc chuyển động thành: 4 mức
 - Làm mịn Doppler Năng lượng: 4 mức
 - Mức độ ưu tiên Doppler mô/năng lượng: 5 mức
 - Độ bền màu: 5 cấp độ

Đặc tính kỹ thuật cho Doppler xung

- Tần số phát: lên tới 4 mức tần số tùy chọn trên mỗi đầu dò
- Tốc độ quét: 10 lựa chọn
- Có sẵn Doppler mô DTI trên một số đầu dò
- Bản đồ thang xám hậu xử lý: 7 kiểu
- Đồ màu Doppler: 12 kiểu
- Độ khuếch đại: -30 đến 30 dB mỗi bước tăng 1 dB
- Khoảng PRF: 152 đến 39100 Hz (tùy thuộc vào đầu dò)
- Dải vận tốc: $\pm 0,8$ đến ± 840 cm/s với hiệu chỉnh góc 0 độ (tùy thuộc vào đầu dò)
- Hiệu chỉnh góc: 0 đến 89 độ mỗi bước 1 độ
- Kích thước cổng: 0,5 đến 20 mm
- Lọc chuyển động thành: 14 đến 6055 Hz, 7 mức (tùy vào loại đầu dò)
- Dịch chuyển đường nền: 13 mức
- Đảo phỏ

- Chức năng tự động vẽ đường bao viền phổ AutoTrace

Đặc tính kỹ thuật cho Doppler liên tục có lái tia SCW

- Tần số truyền: 3 tần số
- Tốc độ quét: 10 lựa chọn
- Bản đồ thang xám hậu xử lý: 7 bản đồ
- Bản đồ màu Doppler: 12 bản đồ
- Độ khuếch đại: -30 đến 30 dB mỗi bước tăng 1dB
- Khoảng PRF: tốc độ lấy mẫu 152 đến 52100 Hz (tùy thuộc vào đầu dò)
- Dải vận tốc: $\pm 1,15$ đến ± 1100 cm/s với hiệu chỉnh góc 0 độ (tùy thuộc vào đầu dò)
- Lọc chuyển động thành: 14 đến 6950 Hz, 7 mức (tùy vào loại đầu dò)
- Dịch chuyển đường nền: 13 mức
- Đảo phổ
- Chức năng tự động bao viền phổ hỗ trợ ở chế độ SCW

3.2.4. Gói công nghệ tăng cường chất lượng hình ảnh

Công nghệ tăng cường tương phản mô động DTCE

- Công nghệ Dynamic TCE là một phương pháp hậu xử lý độc quyền, tiên tiến để giảm nhiễu đốm
- Có sẵn ba cấp độ

Ổn định hình ảnh động

- Ổn định hình ảnh động hoạt động với B-mode và Màu, giúp ngăn hiện tượng bóng mờ khi đầu dò hoặc bệnh nhân chuyển động, và tăng cường độ nhạy màu sắc và giảm nhiễu ở B-mode khi không phát hiện được chuyển động.

Triệt tiêu Nhiễu ảnh màu tự động

- Công nghệ đột phá và độc quyền của

Siemens Healthineers giúp phát hiện và ngăn xảo ảnh do chuyển động của đầu dò hoặc bệnh nhân, và tăng cường độ nhạy màu khi không phát hiện được chuyển động

Kết hợp không gian SieClear nâng cao

- Tính năng này kết hợp hai công nghệ khác nhau để tạo ra chất lượng hình ảnh xuất sắc: kết hợp không gian SieClear nâng cao và kết hợp SieClear
- Kết hợp các công nghệ này đem lại cải thiện tuyệt vời trong việc xác định độ rõ nét của đường bờ
- Lên đến 7 góc láo tia có sẵn trên đầu dò tuyến tính, 7 góc láo tia trên đầu dò cong
- Hỗ trợ tất cả các loại thăm khám sơ cấp và thứ cấp

Tối ưu hoá thông số eSieImage

- Tối ưu hóa đa thông số eSieImage tăng cường hiệu quả của quy trình làm việc bằng cách mang đến một hình ảnh đồng nhất, loại bỏ việc gõ bàn phím không cần thiết và giảm thời gian thăm khám. eSieImage tối ưu hóa một cách sáng tạo các thông số tạo ảnh chính theo thời gian thực cho nhiều cấu trúc cơ thể bệnh nhân khác nhau
- Tối ưu cả khuếch đại đầu vào và ra một cách độc lập, nhờ đó giảm nhiễu và độ bão hòa
- Liên tục nhận biết và triệt tiêu nhiễu và tăng cường chất lượng hình ảnh mô để bù trừ khuếch đại theo cơ địa của từng bệnh nhân và ý muốn của người vận hành

Kết nối DICOM 3.0

- Kết nối với hệ thống PACS để lưu trữ tất cả các ảnh kỹ thuật số và clip động cùng với dữ liệu nhân khẩu học

của bệnh nhân

- In ảnh bằng máy DICOM in màu và in đen trắng

Bảo mật Hệ thống Siêu âm – Phần mềm chống Virus

- Giải pháp chống virus giúp bảo vệ hệ thống trước những nguy cơ cao liên tục, virus, malware và các phần mềm thực thi bằng cách phát hiện và ngăn chặn bất kỳ thay đổi ngoài ý muốn nào để tăng cường sự tuân thủ và bảo mật về IT

3.2.5. Các phép đo và phân tích

Đo lường ở chế độ 2D

- Đo khoảng cách
- Đo chiều sâu từ đường da
- Đo góc
- Diện tích và chu vi: elip, bao viền
- Thể tích: người dùng có thể lựa chọn cài đặt trước theo các phép đo 1 khoảng cách, 2 khoảng cách, 3 khoảng cách, hoặc 1 elip và 1 khoảng cách
- Thể tích dòng: 1 vận tốc và 1 khoảng cách, hoặc 1 vận tốc và 1 elip, eSieCalcs và Đo hẹp tự động
- Độ hẹp: người dùng có thể lựa chọn cài đặt trước tính toán theo phép đo 2 elip, hoặc 2 khoảng cách và một phương pháp bổ sung cho đo độ hẹp là bao viền elip

Đo lường trong sản khoa:

- Các phép đo Tuổi thai trong giai đoạn đầu thai kỳ (GA) là MSD, CRL, và noãn hoàng (Yolk Sac)
- Các nhãn thông số tuổi thai là MSD, CRL, BPD, OFD, HC, AC, TAD, APAD, FL, HL, UL, TL, FT, FTA và BN
- Không giới hạn các nhãn đo do người dùng tùy chọn
- Các tính toán bao gồm: EFW từ

tham chiếu lựa chọn, HC/AC, TCD/AC, LVW/HW, BPDa, FL/AC, FL/BPD, CI, AFI, AXT

- Đo lường và tính toán tim thai toàn diện
- Góc nghiêng bề mặt: đo độ mờ da gáy thai nhi (NT) và đo độ dày da gáy (NF)
- Tính toán tuổi thai (GA) và thời gian dự kiến sinh (EDC)
- Báo cáo bệnh nhân thăm khám Đầu Thai kỳ và Sản khoa bao gồm bảng danh sách công việc để xem tiến trình báo cáo và chỉnh sửa trong quá trình thăm khám
- Khả năng báo cáo đa thai: tối đa 4 thai
- Biểu đồ phân tích sự tăng trưởng của thai nhi với sự liên kết với tài liệu thăm khám
- Trang báo cáo tim thai chi tiết

Đo lường trong phụ khoa:

- Tính toán thể tích tiểu tiện và thể tích còn lại
- Các đo đạc Tử cung, Buồng trứng Phải và Trái, Nang Phải và Trái, CRL, MSD, GS và túi noãn hoàng (Yolk Sac)
- Đo Nang trứng hỗ trợ lên đến 15 nang
- Đo nang trứng:
 - Khoảng cách
 - 2 khoảng cách + trung bình
 - 3 khoảng cách + trung bình
 - Trung bình 2 khoảng cách
 - Trung bình 3 khoảng cách
 - Diện tích
 - Thể tích
 - Chu vi

Đo lường trong siêu âm tim:

- Các phép đo tiêu chuẩn cho người

lớn và trẻ em

- Các công thức thể tích để đánh giá chức năng Tâm thất phải và Tâm thất trái trên 2D
- Tính toán trong các mode 2D, M và Doppler
- Các phép đo trong mode M: Độ dốc, nhịp tim, thời gian và khoảng cách
- Báo cáo và bảng tính về bệnh nhân tim cho mode 2D, M và Doppler phổ.

Đo lường trong động mạch cảnh

- Tất cả các phép đo (Gần, Giữa, Xa) cho CCA, ICA, ECA, VA trên 2D và Doppler phổ với bên phải và bên trái
- Đo tỷ lệ ICA/CCA trên Doppler phổ

Đo lường trong tuyến giáp:

- Công thức tính thể tích cho các thùy giáp và lên đến 15 hạch riêng biệt trên 2D eo giáp, mặt quét trước sau, ngang tuyến giáp, trước sau tuyến giáp, dọc giữa tuyến giáp và tuyến cận giáp trên chế độ 2D
- Tất cả các phép đo bên phải và bên trái cho vùng trên, dưới và giữa động mạch và tĩnh mạch tuyến giáp trên chế độ Doppler phổ

Đo lường trong siêu âm tiết niệu:

- Công thức tính thể tích Tuyến tiền liệt, bàng quang trước và sau khi bài tiết (trước và sau tiểu) trên chế độ 2D
- Tất cả các phép tính cho bên phải và bên trái túi tinh, ống dẫn tinh và ống phóng tinh trên chế độ 2D
- Tất cả các phép tính cho bên phải và bên trái âm hộ và động-tĩnh mạch chậu trong trên chế độ Doppler phổ

Đo lường trong tinh hoàn:

- Thể tích tinh hoàn, đám rối tĩnh mạch hình dây leo, thành bìu, mào

tinh hoàn, nội tinh hoàn

- Các công thức tính thể tích, mào tinh hoàn và lên đến 5 khối trên chế độ 2D
- Tất cả các phép đo trái và phải cho đám rối tĩnh mạch hình dây leo và thành bìu trên chế độ 2D
- Tất cả các phép đo cho mào tinh, nội tinh hoàn, động - tĩnh mạch tinh hoàn trên chế độ Doppler

Đo lường trong cấp cứu:

- FAST: Đánh giá tập trung bằng siêu âm cho báo cáo về thương tổn
- Lòng ngực: Tập hợp các phép đo và báo cáo cần thiết cho các thăm khám về lồng ngực hỗ trợ cho siêu âm cấp cứu
- Sản khoa – Tập hợp các phép đo và báo cáo sản khoa cần thiết

3.2.6. Đầu dò

Đầu dò convex đa tần số 5C1a:

- Dải tần số: 1,4 đến 5,0 MHz
- Trường nhìn tối đa: 70 độ
- Số chân tử: 128
- Độ sâu hiển thị tối đa: 35 cm

Đầu dò linear đa tần số 14L4a:

- Dải tần số: 4,0 đến 12,7 MHz
- Trường nhìn tối đa: 150 mm
- Số chân tử: 256
- Độ sâu hiển thị tối đa: 16 cm

3.2.7. Máy in nhiệt đen trắng

- Công nghệ: in nhiệt
- Tốc độ in: xấp xỉ 1,9 giây/ảnh
- Độ phân giải: 325 dpi
- Khổ giấy in: 110mm
- Cổng giao tiếp USB.

2. Địa điểm cung cấp, lắp đặt; các yêu cầu về vận chuyển, cung cấp, lắp đặt, bảo quản thiết bị y tế: Bệnh viện Phong và Da liễu tỉnh Sơn La, Bản Cọ, phường Chiềng An, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La.

3. Thời gian giao hàng dự kiến: Quý II và Quý III/2024.

4. Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng:

- Tạm ứng thực hiện hợp đồng 50%.

- Thanh toán hợp đồng: Thanh toán trong thời gian 90 ngày kể từ ngày nghiệm thu với điều kiện đầy đủ chứng từ theo quy định.

Trên đây là yêu cầu báo giá của Bệnh viện Phong và Da liễu tỉnh Sơn La, kính mời các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam gửi báo giá làm căn cứ cho đơn vị tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho gói thầu “Mua sắm trang thiết bị”./.

Trân trọng cảm ơn!

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Tuấn Phương

Mẫu báo giá
Áp dụng đối với gói thầu mua sắm trang thiết bị y tế
BÁO GIÁ⁽¹⁾

Kính gửi: ... [ghi rõ tên của Chủ đầu tư yêu cầu báo giá]

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của.... [ghi rõ tên của Chủ đầu tư yêu cầu báo giá], chúng tôi [ghi tên, địa chỉ của nhà cung cấp; trường hợp nhiều nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh] báo giá cung cấp dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng, kiểm định, hiệu chuẩn trang thiết bị y tế như sau:

1. Báo giá cung cấp dịch vụ mua sắm trang thiết bị y tế.

STT	Danh mục dịch vụ	Mô tả dịch vụ	Khối lượng mời thầu	Đơn vị tính	Đơn giá	Thành tiền
1						
2						
...						
Tổng công:						

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: ngày, kể từ ngày ... tháng ... năm ... [ghi cụ thể số ngày nhưng không nhỏ hơn 90 ngày], kể từ ngày ... tháng... năm... [ghi ngàytháng...năm... kết thúc nhận báo giá phù hợp với thông tin tại khoản 4 Mục I - Yêu cầu báo giá].

3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.

- Giá trị nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.

- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

....., ngày.... tháng....năm....

Đại diện hợp pháp của nhà cung cấp⁽²⁾
(Ký tên, đóng dấu (nếu có))

Ghi chú:

(1) Nhà cung cấp điền đầy đủ các thông tin để báo giá theo Mẫu này. Trường hợp yêu cầu gửi báo giá trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, nhà cung cấp đăng nhập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng tài khoản của nhà thầu để gửi báo giá và các tài liệu liên quan cho Chủ đầu tư theo hướng dẫn trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia. Trong trường hợp này, nhà cung cấp không phải ký tên, đóng dấu theo yêu cầu tại ghi chú 12.

(2) Người đại diện theo pháp luật hoặc người được người đại diện theo pháp luật ủy quyền phải ký tên, đóng dấu (nếu có). Trường hợp ủy quyền, phải gửi kèm theo giấy ủy quyền ký báo giá. Trường hợp liên danh tham gia báo giá, đại diện hợp pháp của tất cả các thành viên liên danh phải ký tên, đóng dấu (nếu có) vào báo giá.

Trường hợp áp dụng cách thức gửi báo giá trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, hãng sản xuất, nhà cung cấp đăng nhập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng tài khoản nhà thầu của mình để gửi báo giá. Trường hợp liên danh, các thành viên thống nhất cử một đại diện thay mặt liên danh nộp báo giá trên Hệ thống. Trong trường hợp này, thành viên đại diện liên danh truy cập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng chứng thư số cấp cho nhà thầu của mình để gửi báo giá. Việc điền các thông tin và nộp Báo giá thực hiện theo hướng dẫn tại Mẫu Báo giá và hướng dẫn trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.